TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2020/DS-PT
Ngày 23-12-2020
V/v tranh chấp Di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm.

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn;

Ông Vi Đức Trí.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020, về tranh chấp di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2020/QĐPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 96/2020/QĐ-PT ngày 17/12/2020; giữa các đương sư:

Nguyên đơn: Ông Đường Thanh B, sinh năm 1955; cư trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Đường Thanh B: Bà Triệu Thị Kim L- Luật sư của Văn phòng Luật sư Triệu Loan thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; Công tác viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Bị đơn: Ông Đường Xuân T, sinh năm 1962; cư trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đường Xuân T: Bà Nguyễn Thị N(vợ ông Đường Xuân T); cư trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, văn bản ủy quyền ngày 25/9/2020; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Phan Thị M, sinh năm 1932; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Phan Thị M: Bà Nguyễn Thị N; cư trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, văn bản ủy quyền ngày 15/12/2020; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của cụ Phan Thị M: Bà Lương Thị Hương L- Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Đường Thị H, sinh năm 1946; có mặt;

3. Bà Đường Thị N, sinh 1961; có mặt;

4. Ông Đường Văn T, sinh năm 1969; vắng mặt;

5. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967 (vợ ông Đường Xuân T); có mặt.

Đều cùng địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

6. Bà Đường Thị N, sinh năm 1950; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã Bù G, huyện B, tỉnh Bình Phước.

7. Bà Đường Thị N, sinh năm 1966; có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

8. Chị Đường Thị T, sinh năm 1972; có mặt.

Địa chỉ: thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

9. Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1966; vắng mặt;

10. Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1961; vắng mặt;

11. Bà Hoàng Thị K, sinh năm 1954; vắng mặt;

12. Bà Lô Thị G, sinh năm 1969; vắng mặt;

13. Bà Bế Thị Đ; vắng mặt;

14. Ông Định Đại N, sinh năm 1956; vắng mặt;

15. Anh Mã Đức T (Mã Văn T), sinh năm 1979; vắng mặt;

16. Anh Lương Văn Q, sinh năm 1983; vắng mặt;

Đều trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

17. Ông Hoàng Văn T, cư trú tại: thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

18. Bà Đỗ Tuyết N, sinh năm 1969, cư trú tại: Đường H, khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

19. Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện T: Ông Bế Văn S - Chuyên viên phòng tài nguyên và môi trường huyện T, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản ủy quyền tham gia tố tụng ngày 18/11/2019 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

20. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã H: Ông Nông Văn C - Cán bộ địa chính xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn (theo văn bản cử người tham gia tố tụng ngày 23/8/2019 của Chủ tịch UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Đường Thanh B là nguyên đơn; ông Đường Xuân T là bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đường Thị H; bà Đường Thị N; bà Đường Thị N; cụ Phan Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và nội dung của Bản án dân sự sơ thẩm được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Đường Thanh B, trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là do bố mẹ ông là cụ Đường Văn Nvà cụ Ma Thị N khai phá từ năm 1944; địa danh: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, nay là thửa đất số 65, tờ bản đồ số 70, diện tích 408,03m^2.

Cụ Đường Văn N và cụ Ma Thị N sinh được 05 người con, gồm: Bà Đường Thị H, bà Đường Thị N, ông Đường Văn H (đã chết liệt sĩ), bà Đường Thị N và ông Đường Thanh B. Năm 1961 cụ Ma Thị N(chết), cụ Đường Văn N kết hôn với cụ Phan Thị M sinh được 04 người con, gồm: Ông Đường Xuân T, Đường Thị Ngoan, Đường Văn T, Đường Thị T. Năm 2005 cụ Đường Văn N(chết) không để lại di chúc. Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 70, diện tích 408,03m^2 là tài sản chung của mấy anh em ruột chưa được chia nhau. Năm 2004 có dự án cải tạo Quốc lộ 4A khu đất đã thu hồi một phần diện tích, ông Đường Xuân T thay mặt gia đình kê khai và nhận tiền bồi thường (lúc đó cụ Đường Văn N còn sống). Khi nhận được tiền mấy anh em có thỏa thuận (bằng miệng) lấy số tiền đó về thuê công trình đổ mặt bằng và để ông Đường Văn T trồng chuối, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ). Nay ông Đường Thanh B khởi kiện yêu cầu chia 04 phần, ông Đường Thanh B 01 phần, ông Đường Văn T 01 phần, 02 phần để ông Đường Xuân T quản lý, vì cụ Phan Thị M đang ở với ông Đường Xuân T. Nếu ông Đường Xuân T không đồng ý ông yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đường Văn N, chia 09 phần gồm các con của vợ cả cụ Đường Văn N còn sống và các con của mẹ kế cụ Phan Thị M.

Bị đơn ông Đường Xuân T trình bày: Thửa đất tranh chấp đúng như ông Đường Thanh B trình bày và ông đã quản lý sử dụng từ năm 1990. Khi cụ Đường Văn N còn sống, bố mẹ đã phân chia thửa đất này cho ông quản lý, sử dụng (chia bằng miệng) vì ông ở cùng với bố, mẹ, tất cả các con trong gia đình đều được bố, mẹ chia theo phần của mình, đã quản lý, sử dụng ổn định.

Năm 1989 ông kết hôn với bà Nguyễn Thị N và được bố mẹ chia cho quản lý sử dụng khu đất này, các anh chị em không ai có ý kiến gì. Năm 2003 Nhà nước thu hồi 17,8m^2 đất thuộc một phần thửa đất đang tranh chấp hiện nay để làm đường Quốc lộ 4A lúc đó cụ Đường Văn N vẫn còn sống. Việc thu hồi đất và nhận tiền bồi thường đều do ông Đường Văn T nhận; bố mẹ và các anh chị em

trong gia đình không ai có thắc mắc gì. Năm 2007 ông thuê xe đổ đất cải tạo mặt bằng diện tích khoảng 408,03m^2 lúc đó ông Đường Thanh B biết nhưng không có ý kiến gì. Riêng ông Đường Thanh B cũng được bố mẹ chia cho một thửa đất ngay liền kề với thửa đất số 65 của ông được bố mẹ chia cho hiện nay đang tranh chấp. Tuy nhiên thửa đất của ông Đường Thanh B được bố mẹ chia cho, ông Đường Thanh B đã bán cho ông Đinh Đại Nghĩa năm 1997. Nay ông Đường Thanh B khởi kiện yêu cầu chi di sản thừa kế thửa đất số 65 của ông được bố mẹ chia cho, ông không đồng ý, ông yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng và yêu cầu ông Đường Thanh B phải chấm dứt hành vi tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đường Thị H; Đường Thị N có cùng quan điểm với ông Đường Thanh B yêu cầu Tòa án chia di sản là thửa đất số 65 theo hàng thừa kế làm 09 phần, để mỗi người hưởng một phần và phần của các bà được hưởng các bà không lấy để tặng cho ông Đường Thanh B. Bà Đường Thị N và bà Đường Thị T trình bày nguồn gốc đất đang tranh chấp là do bố, mẹ khai phá mà đã chia cho ông Đường Xuân T quản lý, sử dụng, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Đường Xuân T tiếp tục được quản lý, sử dụng. Trường hợp nếu phải chia thừa kế thì phần của bà được hưởng bà để lại tặng cho ông Đường Xuân T được quản lý, sử dụng.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đất liền kề của thửa đất tranh chấp đều xác định ranh giới đã được cắt cọc sắt và xác định đúng ranh giới.

Theo kết quả biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 23/4/2020 xác định đất tranh chấp có địa danh: Thôn C, xã Đ, huyện T thuộc thửa số 65, tờ bản đồ số 70, diện tích 368,5m^2.

Tài sản trên đất gồm có: 220 cây chuối tây đường kính gốc từ 3cm - 5cm; 02 cây xoan (01 cây đường kính gốc 11cm, 01 cây đường kính gốc 17cm); 02 cây đu đủ; khối lượng đất 1.555m^3. Những tài này là do nhà ông Thi trồng và đổ đất.

Về giá trị đất: Hội đồng định giá thống nhất là 3.000.000 đồng/m^2 x 368,5m^2 = 1.105.500.000 đồng.

Về tài sản trên đất: Tổng trị giá cây trồng trên đất là 8.127.000 đồng; Trị giá khối lượng 1.555m^3 đất đỏ là 12.440.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Đất + Cây + Đất đổ = 1.126.067.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đã giải quyết:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đường Thanh B, một phần yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn bà Đường Thị N, Đường Thị H, Đường Thị N về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật, cụ thể như sau:

1.1. Ông Đường Xuân T được quản lý sử dụng ½ thửa đất 65 và tài sản trên đất, diện tích 184,3m^2, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đất Nhà nước đã thu hồi (khu đất chân ta ly) từ 1-10 cạnh dài 12,11m; phía Tây Bắc

phía giáp phần đất bà Phan Thị M cạnh dài 16,61m; phía Đông Nam giáp đất ông Mã Đức T(Mã Văn T) từ điểm 1-2 cạnh dài 14,90m; phía Tây Nam giáp đất ông Đinh Đại N từ điểm 2-3-4 cạnh dài 2,87- 9,64m.

1.2. Bà Phan Thị M được quản lý sử dụng ½ thửa đất 65 và tài sản trên đất, diện tích 184,2m^2, có các phía tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đất Nhà nước đã thu hồi của bà Đỗ Tuyết N từ điểm 9-10-1 có cạnh dài là 5,00-5,69m; phía Tây Bắc giáp đất ông Hoàng Văn T từ điểm 6-7-8-9 có cạnh dài 4,34-3,20-6,16 và giáp đất của bà Hoàng Thị L từ 4-5-6 cạnh dài 6,82-4,25; phía Đông Nam giáp phần đất ông Thi được chia cạnh dài 16,61m; phía Tây Nam giáp đất ông Đinh Đại N từ điểm 4-3 cạnh dài 7,19m.

Ông Đường Xuân T, bà Phan Thị M có nghĩa vụ đến Cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai

(Thửa đất có sơ đồ kèm theo).

2. Ông Đường Xuân T phải trả:

1. Trả cho ông Đường Thanh B 55.275.000 (năm mươi lăm triệu hai trăm bẩy mươi năm nghìn) đồng và kỷ phần của bà Đường Thị H được hưởng 55.275.000 (năm mươi lăm triệu hai trăm bẩy mươi năm nghìn) đồng, bà Đường Thị N được hưởng 55.275.000 (năm mươi lăm triệu hai trăm bẩy mươi năm nghìn) đồng, tổng cộng 165.825.000 (một trăm sáu mươi năm triệu tám trăm hai mươi năm nghìn) đồng. Ông Đường Xuân T phải trả cho ông Đường Thanh B với tổng số tiền là 165.825.000 (một trăm sáu mươi năm triệu tám trăm hai mươi năm nghìn) đồng.

2. Trả cho bà Đường Thị N 55.275.000 (năm mươi lăm triệu hai trăm bẩy mươi năm nghìn) đồng.

3. Trả cho ông Đường Văn T 55.275.000 đồng (tạm giao số tiền 55.275.000 (năm mươi lăm triệu hai trăm bẩy mươi năm nghìn) đồng, là phần của ông Đường Văn T được hưởng cho ông Đường Thanh B quản lý giữ hộ, khi ông Thưởng có mặt tại địa phương, thì ông Bình có trách nhiệm giao cho ông Thưởng số tiền trên).

4- Trả cho bà Phan Thị M 55.275.000 (năm mươi lăm triệu hai trăm bẩy mươi năm nghìn) đồng.

5- Ông Đường Xuân T không phải trả cho bà Đường Thị N, bà Đường Thị T kỷ phần được hưởng, do bà Đường Thị N và bà Đường Thị T để lại cho ông Đương Xuân T.

3. Căn cứ vào Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Đường Xuân T, bà Đường Thị T về việc yêu cầu gộp các thửa đất lại để chia. Do ông Đường Xuân T đã rút toàn bộ yêu cầu phản tố và đình chỉ giải quyết yêu cầu tiền mai táng phí, do ông Đường Xuân T rút yêu cầu.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của cụ Phan Thị M, do người đại diện theo ủy quyền của cụ Phan Thị M, là anh Đường Văn H đã rút yêu cầu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 10/7/2020 nguyên đơn ông Đường Thanh B; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đường Thị H, bà Đường Thị N, bà Đường Thị N nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế bằng hiện vật, không đồng ý lấy tiền và không đồng ý chia cho cụ Phan Thị M 1/2 thửa đất, chỉ đồng ý chia cho cụ Phan Thị M một phần di sản theo hàng thừa kế.

Ngày 22/7/2020 bị đơn ông Đường Xuân T Ngọc nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Đề nghị xử bác đơn khởi kiện về việc tranh chấp di sản thừa kế; hủy bản án dân sự sơ thẩm không chấp nhận chia di sản thừa kế vì tài sản tranh chấp không phải là di sản thừa kế; ông yêu cầu được quản lý sử dụng đất tranh chấp.

Ngày 31/7/2020 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Phan Thị M nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm trả hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đường Thị H, bà Đường Thị N, giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Phan Thị M xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đường Thanh B và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đường Thị H, bà Đường Thị N, bà Đường Thị N; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liêu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lài trình bày của các đương sự tại phiên tòa thấy: Kháng cáo của các nguyên đơn ông Đường Thanh B; bà Đường Thị H, bà Đường Thị N, bà Đường Thị N là hợp lệ. Kháng cáo của bị đơn ông Đường Xuân T; cụ Phan Thị M kháng cáo quá hạn nhưng đã có quyết định xét kháng cáo quá hạn ngày 16/10/2020 nên kháng cáo hợp lệ.

- Xét nội dung kháng cáo của ông Đường Thanh B; bà Đường Thị H, bà Đường Thị N, bà Đường Thị N xác định thửa đất 65 đang tranh chấp là di sản của

cụ Đường Văn Nvà cụ Ma Thị N khai phá nhưng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh nên xác đinh đây là tài sản chung của cụ Đường Văn N và cụ Phan Thị M, ông Đường Xuân T khai được bố mẹ chia cho quản lý sử dụng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ được cụ Đường Văn N chia nên xác định 1/2 thửa đất là của Phan Thị M, 1/2 thửa đất còn lại là di sản của cụ Đường Văn Nhận.

- Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Đường Thanh B, bà Đường Thị H, bà Đường Đường Thị N yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật, không đồng ý lấy tiền. Theo quy định tại khoản 2 Điều 660 bộ luật dân sự quy định người thừa kế có quyền yêu cầu chia bằng hiện vật. Tuy nhiên tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận khi cụ Đường Văn N còn sống đã chia đất cho các con, ông Đường Thanh B được chia đã bán cho ông Đinh Đại N và ông Đường Thanh B thừa nhận thửa đất đang tranh chấp chỉ là cái hủm cho không ai nhận. Thời gian sau đó chủ yếu là do vợ chồng ông Đường Xuân T tôn tạo mà có mặt bằng như hiện nay. Do đó nội dung kháng của ông Đường Thanh B, bà Đường Thị H, bà Đường Thị N là không có căn cứ để chấp nhận.

- Đối với kháng cáo của bà Đường Thị N yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật, không đồng ý lấy tiền: Do kỷ của bà Đường Thị N được chia là 18,43m^2, không đảm bảo diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định của Nhà nước nên bản án sơ thẩm tính trị giá kỷ phần được hưởng chi cho bà Đường Thị N bằng tiền là đúng, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo.

- Đối với kháng cáo của cụ Phan Thị M và ông Đường Xuân T: Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của cụ Phan Thị M và ông Đường Xuân T rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét kháng cáo của cụ Phan Thị M và ông Đường Xuân T.

Từ những phân tích nêu trên Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng năm 2015; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Đường Thanh B, bà Đường Thị H, bà Đường Thị N, bà Đường Thị N nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ. Đối với kháng cáo của ông Đường Xuân T, cụ Phan Thị M nộp đơn kháng cáo quá hạn, đã được Hội đồng xét kháng cáo quá hạn chấp nhận nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Phan Thị M, bà Đường Thị N; đại diện UBND huyện T; đại diện UBND xã Đ và những người liên quan khác được Tòa án triêu tập hợp lệ lần 02 họ đều có bản tự khai, hoặc có văn bản ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét thấy việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến vụ án nên theo quy định tại Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Đường Thanh B, bà Đường Thị H, bà Đường Thị N, bà Đường Thị N. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Nguồn gốc thửa đất có tranh chấp: Thửa số 65 tờ bản đồ số 70 Nhà nước đã thu hồi một phần, diện tích còn lại 368,5m^2, đều được các đồng thừa kế thống nhất có nguồn gốc là của vợ chồng cụ Đường Văn N và cụ Ma Thị N chết để lại. Đầu năm 1961 cụ Ma Thị N(chết), cuối năm 1961 cụ Đường Văn N chung sống với cụ Phan Thị M và tiếp tục quản lý, sử dụng đất tranh chấp cho đến nay. Theo hướng dẫn của điểm a, mục 1, phần II của Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số loại tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình quy định về thừa kế trong trường hợp chưa có đăng ký kết hôn: "Trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/10/1987 nếu một trong hai bên chết trước, thì bên vợ hoặc chồng còn sống được hưởng di sản của bên chết để lại theo quy định của pháp luật về thừa kế".

[5] Do vậy, khi cụ Ma Thị N chết năm 1961, phần di sản của cụ Ma Thị N để lại do cụ Đường Văn N và cụ Đường Văn N kết hôn với cụ Phan Thị M cuối năm 1961, vợ chồng sống chung với nhau đến năm 2005 cụ Đường Văn N(chết). Ông Đường Xuân T cho rằng năm 1989 ông kết hôn với bà Nguyễn Thị N và được bố mẹ chia cho quản lý sử dụng ổn định, các anh chị em không ai có ý kiến gì, năm 2003 Nhà nước thu hồi 17,8m^2 đất làm đường ông là người nhận tiền bồi thường, các anh chị em trong gia đình không ai thắc mắc gì. Năm 2007 ông thuê xe đổ đất cải tạo san mặt bằng thửa đất, cùng thời điểm ông được chia các anh chị em trong gia đình đều được bố mẹ chia đất ông Đường Thanh B được bố mẹ chia đất ngay liên kề với thửa đất của ông nhưng đã bán cho ông Đinh Trọng N, còn ông do ở cùng bố mẹ nên không lập giấy tờ tặng cho (chỉ nói bằng miệng). Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đường Thanh B khai thửa đất tranh chấp trước kia chỉ là một cáo hố sâu trồng rau muống, cho không ai lấy và ông Đường Thanh B cũng thừa nhận ông được bố mẹ chia cho một thửa đất ngay canh thửa đất đang tranh chấp và ông đã bán cho ông Đinh Đại N, những người khác cũng được bố mẹ chia đất cho quản lý, sử dụng nhưng tất cả chỉ chia bằng miệng không có văn bản giấy tờ. Đối với thửa đất tranh chấp do sau khi được ông Đường Xuân T đổ đất san lấp mặt bằng đã làm tăng giá trị quyền sử dụng đất nên mới phát sinh tranh chấp. Thực tế ông Đường Xuân T khai khi bố còn sống ông được bố mẹ chia cho nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên khi Cụ Đường Văn N(chết), vợ chồng ông Đường Xuân T ở cùng với bố mẹ nên xác định thửa đất số 65, tờ bản đồ số 60, diện tích 368,5m^2 đang tranh chấp vẫn là tài sản chung của vợ chồng cụ Đường Văn N và cụ Phan Thị M, hiện tại do cụ Phan Thị M còn sống nên theo Điều 59 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, tài sản chung của vợ chồng phải chia đôi, nên cấp sơ thẩm xác định định 1/2 thửa đất số 65 là tài sản của cụ Phan Thị M, còn lại 1/2 là tài sản của cụ Đường Văn N(chết) để lại không có di chúc, được xem xét chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

[6] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Đất tranh thuộc thửa số 65 tờ bản đồ số 70 diện tích 368,5m^2. Tài sản trên đất có 220 cây

chuối; 02 cây xoan; 02 cây đu đủ; 03 cây nhãn do ông Đường Xuân T trồng; khối lượng đất đổ san mặt bằng là 1.555m^3 do nhà ông Đường Xuân T đổ đất.

[7] Trị giá đất là 3.000.000 đồng/m^2 x 368,5m^2 = 1.105.500.000 đồng; tổng trị giá tài sản cây trồng trên đất là 8.127.000 đồng; đất đổ san mặt bằng1.555m^3 trị giá là 12.440.000 đồng.

[8] Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự quy định hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: Vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết.

[9] Theo quy định trên hàng thừa kế thứ nhất gồm 09 người: Các con của cụ Đường Văn N và cụ Ma Thị N, gồm: Bà Đường Thị H, bà Đường Thị N, ông Đường Văn H (chết) là liệt sĩ khi chết chưa có vợ con, bà Đường Thị N và ông Đường Thanh B. Vợ kế của cụ Đường Văn N là cụ Phan Thị M và các con là ông Đường Xuân T, bà Đường Thị N, ông Đường Văn T, bà Đường Thị T. Cấp sơ thẩm xác định ông Đường Xuân T đã quản lý trông coi, tôn tạo, quản lý làm tăng giá trị sử dụng đất nên được chia thêm một kỷ phần.

[10] Di sản thừa kế: Được xác định là 1/2 thửa đất số 65, tờ bản đồ số 70, diện tích 184,25m^2; địa danh: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; 1/2 diện tích đất còn lại 184,25m^2 là của cụ Phan Thị M.

[11] Trị giá thửa số 65 có giá trị 1.105.500 đồng, bà Mộc được quyền quản lý sử dụng ½ thửa đất tương ứng với 184,25m^2 trị giá 552.750.000 đồng; 1/2 diện tích đất còn lại 184,25m^2 trị giá 552.750.000 đồng được chia đều cho 10 kỷ phần (trong đó ông Đường Xuân T được hưởng thêm một kỷ phần công trông coi, quản lý di sản), mỗi kỷ phần được chia là 55.275.000 đồng.

[12] Do ông Đường Xuân T là người có công trông coi tôn tạo, quản lý đã làm tăng giá trị sử dụng đất. Hiện tại ông Đường Xuân T đã đổ đất san ủy mặt bằng và trông cây trên đất sử dụng ổn định từ năm 1990 cho đến nay, phần di sản chia thừa kế có diện tích đất 184,25m^2, không lớn, nếu chia đều cho 10 kỷ phần bằng hiện vật là quyền sử dụng đất là rất nhỏ không thể chia được. Cấp sơ thẩm đã giải quyết để ông Đường Xuân T tiếp tục được quản lý, sử dung và có nghĩa vụ phải trả cho bà cụ Phan Thị M, ông Đường Thanh B, bà Đường Thị N, bà Đường Thị H, bà Đường Thị N, bà Đường Thị N, bà Đường Thị T, ông Đường Văn T mỗi người 55.275.000 đồng tương ứng với kỷ phần họ được hưởng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[13] Dọ vậy, xét thấy: Ông Đường Thanh B, bà Đường Thị H, bà Đường Thị N, bà Đường Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chia kỷ phần bằng hiện vật là quyền sử dụng đất là không phù hợp và đối với yêu cầu kháng cáo không đồng ý chia cho cụ Phan Thị M được hưởng 1/2 thửa đất nhưng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh thửa đất số 65 là di sản riêng của cụ Đường Văn N chết để lại nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo.

[14] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Đường Xuân T và cụ Phan Thị M. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Đường Xuân T

và cụ Phan Thị M đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, việc rút kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu kháng cáo của ông Đường Xuân T và Cụ Phan Thị M.

[15] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử, xét thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Đường Thanh B; bà Đường Thị H, bà Đường Thị N, bà Đường Thị N, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

[16] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của của ông Đường Thanh B; bà Đường Thị H, bà Đường Thị N, bà Đường Thị N không được chấp nhận nên phải chịu mỗi người 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm sung công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, do ông Đường Thanh B, sinh năm 1955; bà Đường Thị H, sinh năm 1946; bà Đường Thị N, sinh năm 1950 là người cao tuổi, có đơn xin được miễn án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Đường Thanh B; bà Đường Thị H; bà Đường Thị N được miễn án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho ông Đường Thanh B; bà Đường Thị H; bà Đường Thị N mỗi người 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền AA/2015/0001246 ngày 24/7/2020; biên lai thu tiền số AA/2015/0001248 ngày 24/7/2020; biên lai thu tiền số AA/2015/0001249 ngày 24/7/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Bà Đường Thị N phải chịu 300.000 đồng sung ngân sách Nhà nước; xác nhân bà Đường Thị N đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/0001247 ngày 24/7/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

[17] Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đường Xuân T và cụ Phan Thị M đã rút toàn bộ kháng cáo. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cụ Phan Thị M, sinh năm 1932 là người cao tuổi được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm; ông Đường Xuân T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm sung công quỹ Nhà nước; xác nhận ông Đường Xuân T đã nộp đủ 300.000, đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/0001250 ngày 28/7/2020; hoàn trả lại cụ Phan Thị M số tiền đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/0001251 ngày 03/8/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

[18] Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148; khoản 3 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1, 4, 7 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đường Thanh B và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đường Thị H, bà Đường Thị N, bà Đường Thị N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đường Xuân T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Phan Thị M do ông Đường Xuân T và cụ Phan Thị M rút kháng cáo tại phiên tòa.

3. Về án phí phúc thẩm:

3.1. Ông Đường Thanh B; bà Đường Thị H; bà Đường Thị N được miễn án phí phúc thẩm; hoàn trả lại ông Đường Thanh B; bà Đường Thị H; bà Đường Thị N mỗi người 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/0001246 ngày 24/7/2020; số AA/2015/0001248 ngày 24/7/2020; số AA/2015/0001249 ngày 24/7/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Bà Đường Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), sung công quỹ Nhà nước; xác nhận bà Đường Thị N đã nộp đủ mỗi người 300.000,đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/0001247 ngày 24/7/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

3.2. Ông Đường Xuân T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), tiền án phí dân sự phúc thẩm sung công quỹ Nhà nước; xác nhận ông Đường Xuân T đã nộp đủ số tiền theo biên lai thu tiền số AA/2015/0001250 ngày 28/7/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Cụ Phan Thị M được miễn án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cụ Phan Thị M số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0001251 ngày 03/8/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao HN;
- VKSND Cấp cao HN;
- VKSND tỉnh LS;
- TAND huyện Tràng Định, tỉnh LS.
- Chi cục THADS huyện Tràng Định;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV, THA
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hồ Đức Châm

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Sơn **Vi Đức Trí** **Hồ Đức Châm**

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao HN;
- VKSND Cấp cao HN;
- VKSND tỉnh LS;
- TAND huyện Tràng Định, tỉnh LS.
- Chi cục THADS huyện Tràng Định;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV, THA
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đức Châm

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Sơn **Chu Long Kiếm** **Hồ Đức Châm**

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao HN;
- VKSND Cấp cao HN;
- VKSND tỉnh LS;
- TAND huyện Tràng Định, tỉnh LS.
- Chi cục THADS huyện Tràng Định;
- Chi cục THADS thành phố LS, tỉnh LS;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV, THA
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đức Châm